

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất.

2. Tổ chức lực lượng thi hành hình phạt trục xuất.

3. Chủ trì, phối hợp với Tòa án, Viện Kiểm sát, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương có liên quan để tổ chức thi hành hình phạt trục xuất.

4. Thống kê về thi hành hình phạt trục xuất.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành hình phạt trục xuất.

6. Xây dựng dự toán ngân sách chi cho việc thực hiện các hoạt động quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 10 của Nghị định này, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 11. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm giải quyết các thủ tục đối ngoại liên quan đến việc thi hành hình phạt trục xuất và trao đổi, cung cấp các thông tin liên quan cho các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 12. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho việc thi hành hình phạt trục xuất theo kế hoạch được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an.

Điều 13. Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan y tế và bệnh viện trực thuộc tổ chức khám bệnh, giám định và cấp giấy chứng nhận tình trạng sức khỏe đối với người bị trục xuất trong diện được kéo dài thời hạn trục xuất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Người nào vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi

phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15.

1. Nghị định này có hiệu lực ~~thi hành~~ sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 16. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 55/2001/ ND-CP ngày 23/8/2001 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này điều chỉnh việc quản lý, cung

cấp và sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam. Mọi tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực Internet tại Việt Nam đều phải tuân theo Nghị định này.

2. Trong trường hợp các điều ước quốc tế liên quan đến Internet mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 2.

1. Internet là một hệ thống thông tin được kết nối với nhau bởi giao thức truyền thống Internet (IP) và sử dụng một hệ thống địa chỉ thống nhất trên phạm vi toàn cầu để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng.

2. Ở Việt Nam, Internet là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, được bảo vệ theo pháp luật Việt Nam, không ai được xâm phạm. Bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân.

Điều 3. Việc phát triển Internet ở Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc:

1. Năng lực quản lý phải theo kịp với yêu cầu phát triển, đồng thời phải có biện pháp đồng bộ để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

2. Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 4. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư và có cơ chế hỗ trợ tài chính đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển công nghiệp phần mềm và các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 5. Có chính sách khuyến khích tăng

cường đưa thông tin tiếng Việt, đặc biệt là thông tin về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước lên Internet. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thông qua Internet giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ của mình.

Điều 6.

1. Thông tin đưa vào lưu trữ, truyền đi và nhận đến trên Internet phải tuân thủ các quy định tương ứng của Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet phải chịu trách nhiệm về những nội dung thông tin do mình đưa vào lưu trữ, truyền đi trên Internet.

Điều 7.

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn người sử dụng dịch vụ Internet trong việc khai thác, sử dụng các thông tin trên Internet theo đúng pháp luật, đồng thời ngăn chặn các hành vi bị cấm tại Điều 11 của Nghị định này.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng Internet có trách nhiệm tuân thủ pháp luật về Internet để khai thác, sử dụng Internet một cách có hiệu quả và lành mạnh.

Điều 8. Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Không ai được ngăn cản quyền sử dụng hợp pháp các dịch vụ Internet. Đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có quyền từ chối cung cấp dịch vụ, nếu tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ vi phạm pháp luật về Internet.

Điều 10. Việc mã hóa và giải mã thông tin trên Internet phải tuân thủ các quy định của pháp luật về cơ yếu.

Điều 11. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị và cản trở việc cung cấp, sử dụng các dịch vụ Internet.
2. Đánh cắp và sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã và thông tin riêng trên Internet của các tổ chức, cá nhân.
3. Lợi dụng Internet để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây rối loạn an ninh, trật tự; vi phạm đạo đức, thuần phong, mỹ tục và các vi phạm pháp luật khác.

Chương II

THIẾT LẬP HỆ THỐNG THIẾT BỊ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET

Điều 12. Dịch vụ Internet bao gồm dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet và dịch vụ ứng dụng Internet

1. Dịch vụ truy nhập Internet là dịch vụ cung cấp cho người sử dụng khả năng truy nhập đến Internet.
2. Dịch vụ kết nối Internet là dịch vụ cung cấp cho các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khả năng kết nối với nhau và với Internet quốc tế.
3. Dịch vụ ứng dụng Internet là dịch vụ sử dụng Internet để cung cấp cho người sử dụng các ứng dụng hoặc dịch vụ bao gồm: bưu chính, viễn thông, thông tin, văn hóa, thương mại, ngân hàng, tài chính, y tế, giáo dục, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ khác trên Internet.

Dịch vụ thông tin Internet là một loại hình dịch vụ ứng dụng Internet bao gồm dịch vụ phát hành báo chí (báo nói, báo hình, báo điện tử), phát

hành xuất bản phẩm trên Internet và dịch vụ cung cấp các loại hình tin tức điện tử khác trên Internet.

Điều 13. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet bao gồm:

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP) là doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, được Tổng cục Bưu điện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định về quản lý dịch vụ truy nhập Internet do Tổng cục Bưu điện ban hành.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP) là doanh nghiệp nhà nước, hoặc công ty cổ phần mà Nhà nước chiếm cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt, được Tổng cục Bưu điện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ kết nối Internet. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định về quản lý dịch vụ kết nối Internet do Tổng cục Bưu điện ban hành.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (OSP) là doanh nghiệp sử dụng Internet để cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet cho người sử dụng. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet ngoài việc chấp hành các quy định của Nghị định này, phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước chuyên ngành.

Điều 14. Đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet (ICP) là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép cung cấp dịch vụ thông tin Internet. Các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định về phát hành báo chí, phát hành xuất bản phẩm trên Internet, các quy định về việc thiết lập và cung cấp các loại hình tin tức điện tử trên Internet do Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành.

Điều 15. Đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập

Internet dùng riêng (ISP dùng riêng) là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được Tổng cục Bưu điện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng với các điều kiện sau:

1. Không nhằm mục đích kinh doanh dịch vụ truy nhập Internet.

2. Đối tượng sử dụng dịch vụ Internet là thành viên của hai hay nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có cùng chung tính chất hoạt động hay mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động, hoặc văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung, hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên.

3. Tuân thủ các quy định của Nghị định này và các quy định về quản lý dịch vụ truy nhập và kết nối Internet do Tổng cục Bưu điện ban hành.

Điều 16. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ Internet ở Việt Nam, ngoài việc chấp hành các quy định tại Nghị định này, phải tuân theo các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia và các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 17. Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch phát triển Internet tại Việt Nam, Tổng cục Bưu điện quy định thủ tục, điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ truy nhập và dịch vụ kết nối Internet; Bộ Văn hóa - Thông tin quy định thủ tục, điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ thông tin Internet; các Bộ, ngành theo lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành quy định điều kiện cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet khác.

Điều 18. Sau khi được phép cung cấp dịch vụ Internet theo quy định của pháp luật, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:

1. Được thiết lập hệ thống thiết bị tại cơ sở và các điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ Internet cho người sử dụng dịch vụ ở Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng giấy phép hoặc các điều kiện kinh doanh, điều kiện hoạt động, trừ các dịch vụ thuộc danh

mục dịch vụ Internet bị cấm hoặc chưa được phép cung cấp theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp các dịch vụ Internet cho người sử dụng dịch vụ ở nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nơi dịch vụ được cung cấp.

2. Được cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác thuê hệ thống thiết bị để cung cấp các dịch vụ ứng dụng, dịch vụ thông tin Internet và cho người sử dụng dịch vụ thuê hệ thống thiết bị để đặt các loại hình tin tức điện tử trên Internet theo quy định về quản lý dịch vụ và quản lý thông tin trên Internet.

3. Có trách nhiệm áp dụng và tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị và thông tin trên Internet.

Điều 19.

1. Cơ quan báo chí và nhà xuất bản có giấy phép hoạt động theo quy định, được thiết lập hệ thống thiết bị tại cơ sở của mình để trực tiếp tổ chức phát hành hoặc ủy thác cho đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet phát hành báo và xuất bản phẩm trên Internet.

2. Khi phát hành báo, xuất bản phẩm trên Internet, ngoài các quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, cơ quan báo chí, nhà xuất bản và đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý báo chí, xuất bản.

Điều 20.

1. Đại lý Internet là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân danh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập, dịch vụ ứng dụng Internet để cung cấp dịch vụ truy nhập, dịch vụ ứng dụng Internet cho người sử dụng thông qua hợp đồng đại lý và hưởng thù lao.

2. Đại lý Internet có trách nhiệm:

a) Cung cấp dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ theo đúng các quy định về loại hình, chất lượng

và giá, cước dịch vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng đại lý ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

b) Thực hiện các quy định về quản lý dịch vụ Internet do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

Điều 21.

1. Người sử dụng dịch vụ Internet là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam sử dụng dịch vụ Internet thông qua việc giao kết hợp đồng với đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

2. Hình thức của hợp đồng có thể là văn bản, lời nói hoặc hành vi cụ thể theo quy định của pháp luật. Đối với các loại hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó. Nội dung của hợp đồng phải phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 22. Người sử dụng dịch vụ Internet:

1. Được sử dụng các thiết bị truy nhập Internet di động hoặc tự lắp đặt hệ thống thiết bị tại địa điểm mà mình được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật để truy nhập đến các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet trong nước bằng phương thức kết nối trực tiếp qua kênh truyền dẫn hoặc quay số qua mạng viễn thông, nhưng không được truy nhập đến các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet ở nước ngoài bằng cách quay số điện thoại quốc tế trực tiếp.

2. Được sử dụng tất cả các dịch vụ ứng dụng Internet của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong nước và ở nước ngoài, trừ các dịch vụ bị cấm hoặc chưa được phép sử dụng.

3. Được thiết lập các loại hình tin tức điện tử đặt tại hệ thống thiết bị của mình, của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trong nước và ở nước ngoài để giới thiệu, quảng cáo về cơ quan, tổ chức, cá nhân và sản phẩm, dịch vụ của mình theo quy định về quản lý các loại hình

tin tức điện tử trên Internet và tự chịu trách nhiệm về các thông tin đó trước pháp luật.

4. Có trách nhiệm bảo vệ mật khẩu, khóa mật mã và hệ thống thiết bị của mình.

5. Không được kinh doanh lại các dịch vụ Internet.

Điều 23. Tài nguyên Internet bao gồm hệ thống các tên và số dùng cho Internet, được ấn định thống nhất trên phạm vi toàn cầu. Ở Việt Nam, tài nguyên Internet là một phần của tài nguyên thông tin quốc gia cần được quản lý, quy hoạch và sử dụng có hiệu quả.

Điều 24. Nhà nước có chính sách quản lý phát triển hợp nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập, dịch vụ kết nối Internet từng bước giảm giá, cước các dịch vụ truy nhập, dịch vụ kết nối Internet đến mức bằng hoặc thấp hơn bình quân của các nước trong khu vực, nhằm phổ cập nhanh Internet ở Việt Nam và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 25. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hệ thống thiết bị, cung cấp các dịch vụ Internet và sử dụng tài nguyên Internet có trách nhiệm nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Việc ưu đãi về thuế được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 26. Để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm:

1. Đăng ký và công bố chỉ tiêu chất lượng dịch vụ theo các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ của Nhà nước.

2. Bảo đảm cung cấp dịch vụ cho người sử dụng theo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký và công bố.

3. Báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng dịch vụ theo quy định.

Điều 27. Việc kết nối Internet được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Việc thiết lập và sử dụng các đường truyền viễn thông kết nối các hệ thống thiết bị của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet với nhau và với mạng viễn thông công cộng phải tuân theo các quy định về viễn thông.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP) được kết nối với nhau và với Internet quốc tế.

3. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP) được kết nối với nhau và với các IXP.

4. Các đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng (ISP dùng riêng) được kết nối với các ISP và IXP, nhưng không được kết nối trực tiếp với nhau.

5. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (OSP), các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet (ICP) được kết nối với các ISP và IXP.

6. Các đại lý Internet được kết nối đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet ký hợp đồng đại lý với mình.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ INTERNET

Điều 28. Nội dung quản lý nhà nước về Internet bao gồm:

1. Xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển Internet.
2. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, thiết lập hệ thống thiết bị, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.
3. Quản lý việc cấp phép trong hoạt động Internet.
4. Quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ Internet.
5. Quản lý giá, cước dịch vụ Internet.

6. Quản lý khoa học, công nghệ trong hoạt động Internet.

7. Quản lý thông tin trên Internet.

8. Quản lý an toàn, an ninh trong hoạt động Internet.

9. Quản lý việc mã hóa và giải mã thông tin trên Internet.

10. Quản lý tài nguyên Internet.

11. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động Internet.

12. Hợp tác quốc tế trong hoạt động Internet.

Điều 29.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Internet trong phạm vi cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Internet theo phân công của Chính phủ quy định tại Nghị định này.

2. Chính phủ giao Tổng cục Bưu điện chức năng điều hòa, phối hợp công tác quản lý nhà nước về Internet của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và làm đầu mối trong các hoạt động quốc tế về Internet.

Điều 30. Tổng cục Bưu điện thực hiện quản lý nhà nước đối với việc thiết lập hệ thống thiết bị, cung cấp và sử dụng dịch vụ truy nhập, dịch vụ kết nối Internet, bao gồm:

1. Xây dựng chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển Internet.
2. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy định về cấp phép và quản lý dịch vụ truy nhập, dịch vụ kết nối Internet.
3. Quy hoạch, quản lý và phân bổ tài nguyên Internet.
4. Chủ trì, phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý hệ thống chứng thực trên Internet.

Điều 31. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước việc nghiên cứu ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến trong các hoạt động Internet.

Điều 32. Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện quản lý nhà nước đối với thông tin trên Internet, bao gồm:

1. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý thông tin trên Internet.

2. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy định về cấp phép và quản lý đối với việc phát hành báo chí, xuất bản phẩm trên Internet; các quy định về quản lý việc thiết lập và cung cấp các loại hình tin tức điện tử trên Internet.

Điều 33. Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước đối với việc bảo đảm an ninh trong hoạt động Internet, bao gồm:

1. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ đảm bảo an ninh quốc gia đối với hoạt động Internet.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật để quản lý an ninh thông tin trên Internet theo quy định của pháp luật, trên cơ sở bảo đảm chất lượng dịch vụ Internet.

Điều 34. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế hỗ trợ tài chính đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ truy nhập, dịch vụ kết nối Internet cho các đối tượng ưu tiên quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 35. Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với việc mã hóa và giải mã thông tin trên Internet, bao gồm:

1. Tổ chức nghiên cứu xây dựng chính sách, tiêu chuẩn mật mã quốc gia sử dụng trên Internet.

2. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy định về cung cấp và sử dụng mã hóa và giải mã thông tin trên Internet.

Điều 36. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối

với các dịch vụ ứng dụng Internet thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của mình, bao gồm:

1. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy định quản lý đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ ứng dụng Internet.

2. Ban hành và công bố danh mục các dịch vụ ứng dụng Internet bị cấm hoặc chưa được phép cung cấp và sử dụng trên Internet.

Điều 37. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý hoạt động Internet trên địa bàn tỉnh, thành phố theo các quy định của Nghị định này.

Chương IV

KHIẾU NẠI, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Việc khiếu nại đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính về các hoạt động Internet; việc tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động Internet được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998.

Điều 39. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại nghiệp vụ đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet được thực hiện theo quy định của các cơ quan quản lý nhà nước về Internet nêu ở Chương III của Nghị định này.

Điều 40.

1. Căn cứ vào nội dung quản lý nhà nước đã được quy định tại Chương III Nghị định này, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm chấn chỉnh, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động Internet.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, các đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập Internet

dùng riêng, các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin Internet, đại lý và người sử dụng dịch vụ Internet chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Các hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính về Internet được quy định như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không khai báo làm thủ tục cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ Internet bị mất, hoặc bị hư hỏng

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng mật khẩu, khóa mật mã, thông tin riêng của người khác để truy nhập, sử dụng dịch vụ Internet trái phép.

b) Sử dụng các công cụ phần mềm để truy nhập, sử dụng dịch vụ Internet trái phép.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

b) Vi phạm các quy định của Nhà nước về giá, cước trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

c) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài nguyên Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

d) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý truy nhập, kết nối Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

đ) Vi phạm các quy định của Nhà nước về mã hóa và giải mã thông tin trên Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

e) Vi phạm các quy định của Nhà nước về an toàn, an ninh thông tin trên Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Internet mà không thông báo cho người sử dụng dịch vụ Internet biết trước, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ Internet.

c) Sử dụng quá hạn giấy phép cung cấp dịch vụ Internet.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

b) Vi phạm các quy định của Nhà nước về giá, cước dịch vụ Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

c) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài nguyên Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

d) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý truy nhập, kết nối Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

đ) Vi phạm các quy định của Nhà nước về mã hóa và giải mã thông tin trên Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

e) Vi phạm các quy định của Nhà nước về an toàn, an ninh thông tin trên Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet.

g) Sử dụng Internet để nhằm mục đích đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

h) Đưa vào Internet hoặc lợi dụng Internet để truyền bá các thông tin, hình ảnh đồi trụy, hoặc những thông tin khác trái với quy định của pháp

luật về nội dung thông tin trên Internet, mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

i) Đánh cắp mật khẩu, khóa mật mã, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân và phổ biến cho người khác sử dụng.

k) Vi phạm các quy định về vận hành, khai thác và sử dụng máy tính gây rối loạn hoạt động, phong tỏa hoặc làm biến dạng, làm hủy hoại các dữ liệu trên Internet mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiết lập hệ thống thiết bị và cung cấp dịch vụ Internet không đúng với các quy định ghi trong giấy phép.

b) Tạo ra và cố ý lan truyền, phát tán các chương trình vi rút trên Internet mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập hệ thống thiết bị và cung cấp dịch vụ Internet khi không có giấy phép.

8. Ngoài các hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân còn có thể bị áp dụng một hay nhiều hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet đối với các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2, điểm b khoản 2, các điểm tại khoản 3, các điểm tại khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 41.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 và điểm a khoản 6 Điều 41.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4, điểm a khoản 6 và khoản 7 Điều 41.

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm k khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 41.

Điều 42. Thanh tra chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các cấp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động Internet theo chức năng quản lý nhà nước và thẩm quyền xử phạt quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 43. Nguyên tắc xử phạt, thời hạn xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt các vi phạm hành chính về Internet được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 44. Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Hành vi lợi dụng Internet để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây rối an ninh, trật tự; các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác có dấu hiệu tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 21/CP ngày 05 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng Internet ở Việt Nam. Bãi bỏ điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 11 Nghị định số 79/CP ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Điều 47. Tổng cục Bưu điện chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 48. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 56/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về việc thành lập xã Mỹ An thuộc huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập xã Mỹ An thuộc huyện Thạnh Phú trên cơ sở 2.072,09 ha diện tích tự nhiên và 6.279 nhân khẩu của xã An Thạnh; 1.031,56 ha diện tích tự nhiên và 3.400 nhân khẩu của xã Mỹ Hưng.

Xã Mỹ An có 3.103,65 ha diện tích tự nhiên và 9.679 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Mỹ An: Đông giáp xã An Điền; Tây giáp xã Quới Điền và xã Mỹ Hưng; Nam giáp xã Mỹ Hưng và xã An Thạnh; Bắc giáp huyện Ba Tri.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Mỹ An, xã An Thạnh còn lại 718,31 ha diện tích tự nhiên và 4.066 nhân khẩu; xã Mỹ Hưng còn lại 1.330,16 ha diện tích tự nhiên và 9.167 nhân khẩu,

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 57/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về điều kiện kinh doanh vận tải biển.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2000;

09659583

www.Thuvienphapluat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * www.Thuvienphapluat.com